

Số: 531/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất
trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa đào tạo 2019-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;


Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Trường khoa Khoa Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng Trường Đại học Phú Yên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Giáo dục Thể chất (mã số 51140206)** trình độ cao đẳng hệ chính quy, khoá đào tạo 2019-2022.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường khoa Khoa Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 531/QĐ-ĐHPY ngày 29 tháng 10 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: GIÁO DỤC THỂ CHẤT (*Physical Education*)

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: GIÁO DỤC THỂ CHẤT (*Physical Education*)

Mã số: 51140206

Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

Loại bằng: Cử nhân cao đẳng

Khoa quản lý: Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng

Website: www.pyu.edu.vn

1. Giới thiệu chung

- *Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phú Yên: “Chất lượng – Hiệu quả - Sáng tạo – Vì cộng đồng”.*

- *Về chương trình và ngành đào tạo:*

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất (GDTC) thuộc khoa Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng Trường Đại học Phú Yên được ban hành từ năm 2001.

Chương trình đào tạo ngành GDTC ban đầu được dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình đào tạo ngành GDTC của Trường Cao đẳng Sư phạm Phú Yên. Năm 2001, Khoa Thể dục – Nhạc – Họa xây dựng chương trình đào tạo theo hướng song ngành là GDTC và Sinh học. Vào năm 2010, chương trình đào tạo được đổi sang hình thức học chế tín chỉ gồm 110 tín chỉ trong 3 năm. Sau đó, số tín chỉ được giảm xuống còn 107 (năm 2017) cho việc đào tạo chuyên ngành GDTC. Nội dung chương trình đào tạo đảm bảo sinh viên ra trường có kiến thức và kỹ năng để thực hiện tốt nhiệm vụ GDTC ở trường Trung học cơ sở (THCS).

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành GDTC nhằm đào tạo giáo viên GDTC có tư tưởng đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng thể dục thể thao (TDTT) vững vàng để đáp ứng yêu cầu GDTC ở trường THCS trong tình hình hiện nay.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- PO1: Có hiểu biết về chương trình GDTC trong trường THCS.

- PO2: Có kiến thức chuyên ngành để giảng dạy GDTC và làm công tác TDTT.

2.2.2. Về kỹ năng

- PO3: Biết phân tích, giảng giải kỹ thuật động tác chuyên môn.

- PO4: Có kỹ năng thị phạm, sửa chữa được kỹ thuật động tác môn học GDTC.

2.2.3. Về thái độ

- PO5: Có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội.

- PO6: Thường xuyên cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp.

2.2.4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Làm giáo viên dạy môn học GDTC trong các trường THCS.

- Làm cán bộ chuyên trách TĐTT ở phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Văn hóa – Thông tin.

2.2.5. Khả năng học tập nâng cao

- Tự học tập, bồi dưỡng để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.

- Tiếp tục học tập ở các trình độ cao hơn để đạt các chuyên ngành tương ứng.

3. Chuẩn đầu ra

Theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHPY ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2019.

3.1. Chuẩn đầu ra chung – PLO0: (theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHPY)

3.2. Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng kiến thức chuyên ngành TĐTT vào dạy học trong chương trình GDTC ở trường THCS;

- PLO2: Vận dụng kiến thức khoa học nghiệp vụ sư phạm vào dạy học giáo dục thể chất cho học sinh trường THCS và cơ sở giáo dục;

- PLO3: Hiểu được các chương trình hoạt động ngoại khóa TĐTT cơ bản cho học sinh trong trường THCS.

3.3. Về kỹ năng

- PLO4: Phối hợp được nhiều kỹ năng khi thi phạm động tác của môn GDTC trong chương trình giáo dục phổ thông THCS;

- PLO5: Thực hiện chính xác việc soạn giáo án, trình bày nội dung bài học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GDTC của học sinh THCS theo hướng phát triển năng lực;

- PLO6: Thao tác được các chương trình hoạt động TĐTT cho học sinh trong trường THCS;

- PLO7: Xử lý chính xác các tình huống sư phạm với học sinh và phụ huynh học sinh trong dạy học môn GDTC, trong giáo dục và các hoạt động trải nghiệm ở trường THCS;

- PLO8: Thực hiện chính xác trong trao đổi, thảo luận, làm việc về công tác dạy học, giáo dục học sinh THCS với các đồng nghiệp và các bên liên quan;

3.4. Về thái độ

- PLO9: Có đạo đức, phong cách theo tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông;

- PLO10: Yêu nghề, vượt khó có tính kỷ luật theo yêu cầu của hoạt động TĐTT;

3.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO11: Làm việc độc lập hoặc cùng với các thành viên trong nhóm khi dạy học GDTC, huấn luyện TĐTT trong chương trình THCS;

- PLO12: Hướng dẫn, giám sát đồng nghiệp thực hiện việc dạy học GDTC, huấn luyện và tổ chức các hoạt động TĐTT cho học sinh THCS, trung tâm TĐTT, câu lạc bộ TĐTT;

- PLO13: Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học GDTC và huấn luyện, tổ chức các hoạt động TĐTT ở quy mô trung bình.

Bảng 3.1: Quan hệ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT.

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
PO1	x	x	x							x			x	
PO2				x	x						x			x
PO3					x	x					x			x
PO4			x		x									
PO5	x							x	x					
PO6							x			x		x	x	

4. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 107 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (*chưa kể 165 tiết Giáo dục quốc phòng – an ninh*).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (<i>chưa kể Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>)	32	28	4
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	75	71	4
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	13	11	2
2.2	Kiến thức ngành	40	38	2
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	16	16	0
2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	6	6	0
Tổng cộng		107	99	8

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Bảng 6.1: Mô tả sự chuyên tải triết lý giáo dục vào CTĐT

Chương trình đào tạo: Giáo dục thể chất	Triết lý giáo dục				
	Chất lượng	Hiệu quả	Sáng tạo	Vì cộng đồng	
Khối kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	x	x		
	Khối kiến thức cơ sở ngành	x	x		
	Khối kiến thức chuyên ngành		x	x	x
	Thực tập tốt nghiệp		x	x	
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên	x	x	x	x
	Thi nghiệp vụ/ thực hành nghề nghiệp		x	x	
	Các hoạt động khác: <i>Tham gia thi đấu TDTT</i> <i>Công tác trọng tài các giải TDTT</i> <i>Sinh viên tình nguyện mùa hè xanh</i> <i>Hiển máu nhân đạo</i>		x	x	x

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	PLO1		X	X		X
	PLO2		X	X		X
	PLO3			X	X	
	PLO4			X	X	
	PLO5		X		X	
	PLO6			X		X
	PLO7			X		X
	PLO8		X	X	X	
	PLO9			X		X
	PLO10		X			X
	PLO11			X	X	
	PLO12		X			X
	PLO13		X		X	X

7. Nội dung chương trình

Bảng 7.1: Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Tự học (nếu có)	Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT/TL	TH/TT		
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương			32	405	40	70	0	
7.1.1. Lý luận chính trị			11	165	0	0	0	
1	LC211013	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0	0	
2	LC212112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0	0	1
3	LC213112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	2
4	LC224112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	3
5	LC220012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	4
7.1.2. Ngoại ngữ			8	80	40	0	0	
6	NG216203	Tiếng Anh 1 (A2.1)	3	30	15	0	0	
7	NG216213	Tiếng Anh 2 (A2.2)	3	30	15	0	0	6
8	NG216222	Tiếng Anh 3 (A2.3)	2	20	10	0	0	7
7.1.3. Khoa học xã hội – nhân văn			4	45	0	30	0	
9	LC230012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	1
10	TL211322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
7.1.4. Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường :			9	115	0	40	0	
- Bắt buộc			5	55	0	40	0	
11	KC200063	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
12	TN216012	Xác suất - Thống kê	2	30	0	0	0	
- Tự chọn: chọn 4/8 tín chỉ			4	60	0	0	0	
13	TN242022	Sinh hóa	2	30	0	0	0	
14	TC243022	Sinh cơ TĐTT	2	30	0	0	0	
15	LC210122	Logic học đại cương	2	30	0	0	0	
16	TN243012	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	
7.1.5	TC260018	Giáo dục quốc phòng – An ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			75	570	25	850+ 315 giờ	0	

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			13	180	0	45 giờ	0	
	- Bắt buộc		11	150	0	45 giờ	0	
17	TC243112	Lịch sử thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
18	TN242062	Giải phẫu học	2	30	0	0	0	
19	TC243042	Sinh lý học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	18
20	TC243062	Tâm lý học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	47
21	TC243122	Vệ sinh học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	19
22	TC243181	Thực tế bộ môn (1 tuần)	1	0	0	45 giờ	0	
	- Tự chọn: chọn 2/6 tín chỉ		2	30	0	0	0	
23	TC243132	Y học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	19
24	TC243142	Đo lường thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
25	TC243172	Thể thao trường học	2	30	0	0	0	26
7.2.2. Kiến thức ngành			40	235	0	730	0	
	- Bắt buộc:		38	225	0	690	0	
26	TC243153	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao	3	45	0	0	0	
27	TC243162	Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT	2	30	0	0	0	
28	TC210042	Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung	2	10	0	40	0	
29	TC210052	Thể dục nhào lộn	2	10	0	40	0	28
30	TC210062	Thể dục nhịp điệu và thể dục đồng diễn	2	10	0	40	0	28
31	TC221043	Chạy cự ly ngắn - Chạy tiếp sức - Chạy cự ly trung bình	3	15	0	60	0	
32	TC221052	Nhảy xa	2	10	0	40	0	
33	TC221062	Nhảy cao	2	10	0	40	0	
34	TC221072	Ném bóng - Đẩy tạ	2	10	0	40	0	
35	TC232112	Bơi lội	2	10	0	40	0	
36	TC232043	Bóng chuyền	3	10	0	70	0	
37	TC232053	Bóng đá	3	10	0	70	0	
38	TC232122	Cầu lông	2	10	0	40	0	
39	TC232132	Đá cầu	2	10	0	40	0	
40	TC232141	Trò chơi vận động	1	5	0	20	0	
41	TC232142	Cờ vua	2	10	0	40	0	
42	TC232153	Võ cổ truyền	3	10	0	70	0	
	- Tự chọn: chọn 2/6 tín chỉ		2	10	0	40	0	
43	TC232072	Bóng bàn	2	10	0	40	0	
44	TC232162	Bóng ném	2	10	0	40	0	
45	TC232082	Bóng rổ	2	10	0	40	0	
7.2.3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			16	155	25	120	0	
46	TL210012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
47	TL210022	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	46
48	TL211012	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	47
49	TL211023	Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS	3	35	10	0	0	48

50	TL210011	Rèn luyện NVSP thường xuyên (1)	1	0	0	30	0	
51	TL210061	Rèn luyện NVSP thường xuyên (2)	1	0	0	30	0	50
52	TL210071	Rèn luyện NVSP thường xuyên (3)	1	0	0	30	0	51
53	TL212012	Công tác Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	2	15	0	30	0	
54	TL211222	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	9, 49
7.2.4. Thực tập sư phạm tốt nghiệp			6	0	0	270	0	
						giờ		
55	DT200026	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (9 tuần)	6	0	0	270	0	
						giờ		
Tổng cộng			107	975	65	920+	0	
						giờ		

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

Bảng 7.2: Mô tả liên hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(Mức độ đáp ứng: Cao (H); Trung bình (M); Thấp (L))

Học phần	Chuẩn đầu ra PLOs													
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
HP 1	M									L	L			
HP 2	M								L					
HP 3	H									M	L			L
HP 4	H										L			
HP 5	H									M	M			
HP 6	H													L
HP 7	H													L
HP 8	H													L
HP 9	H									M				
HP 10							L	M				M	M	
HP 11	H					M							L	
HP 12		L						M						
HP 13		L												
HP 14		M												
HP 15								L	H			L		
HP 16												L	L	L
HP 17		L												
HP 18					M									
HP 19		M			M									
HP 20		M												
HP 21		M												
HP 22				M				L					L	
HP 23		M												
HP 24		M			L									
HP 25		M					M	M				L		
HP 26		H		H			M							
HP 27		M												
HP 28		H			H									
HP 29		M			L									
HP 30		M			M									

8.2. Học kỳ II: 18 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC212112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0	0	
2	NG216213	Tiếng Anh 2 (A2.2)	3	30	15	0	0	
3	LC230012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
4	TL210012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
5	TN216012	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	
6	TL210011	Rèn luyện NVSP thường xuyên (1)	1	0	0	30	0	
7	TC243042	Sinh lý học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
8	TC210052	Thể dục nhào lộn	2	10	0	40	0	
9	TC221052	Nhảy xa	2	10	0	40	0	
Tổng cộng			18	195	20	110	0	

8.3. Học kỳ III: 21 TC (bắt buộc: 19 TC, tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			19	175	20	180	0	
1	LC213112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	
2	NG216223	Tiếng Anh 3 (A2.3)	2	20	10	0	0	
3	TL211322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
4	TL210022	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	
5	TL211012	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	
6	TL210061	Rèn luyện NVSP thường xuyên (2)	1	0	0	30	0	
7	TC243122	Vệ sinh học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
8	TC210062	Thể dục nhịp điệu và thể dục đồng diễn	2	10	0	40	0	
9	TC221062	Nhảy cao	2	10	0	40	0	
10	TC232122	Cầu lông	2	10	0	40	0	
- Tự chọn:			2	30	0	0	0	
11	LC210122	Logic học đại cương	2	30	0	0	0	Chọn
12	TN243012	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	2/4TC
Tổng cộng			21	205	20	180	0	

8.4. Học kỳ IV: 19 TC (bắt buộc: 17 TC, tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc			17	145	10	170+ 45 giờ	0	
1	LC224112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	
2	TL211023	Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS	3	35	10	0	0	
3	TL210071	Rèn luyện NVSP thường xuyên (3)	1	0	0	30	0	

4	TL212012	Công tác Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	2	15	0	30	0	
5	TC243153	Lý luận và phương pháp TĐTT	3	45	0	0	0	
6	TC221072	Ném bóng - Đẩy tạ	2	10	0	40	0	
7	TC232043	Bóng chuyên	3	10	0	70	0	
8	TC243181	Thực tế bộ môn	1	0	0	45 giờ	0	1 tuần
9	TC260018	Giáo dục quốc phòng – An ninh	8	8 tín chỉ =165 tiết				
	- Tự chọn:		2	30	0	0	0	
10	TN242022	Sinh hóa	2	30	0	0	0	Chọn 2/4TC
11	TC243022	Sinh cơ TĐTT	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			19	175	10	170 + 45 giờ	0	

8.5. Học kỳ V: 17 TC (bắt buộc: 15 TC, tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Tự học (nếu có)	Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT		
	- Bắt buộc:		15	150	0	150	0	
1	LC220012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
2	TL211222	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
3	TC243062	Tâm lý học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
4	TC232132	Đá cầu	2	10	0	40	0	
5	TC243162	Phương pháp NCKH TĐTT	2	30	0	0	0	
6	TC232153	Võ Cổ truyền	3	10	0	70	0	
7	TC232112	Bơi lội	2	10	0	40	0	
	- Tự chọn		2	10	0	40	0	
8	TC232072	Bóng bàn	2	10	0	40	0	Chọn 2/6TC
9	TC232162	Bóng ném	2	10	0	40	0	
10	TC232082	Bóng rổ	2	10	0	40	0	
Tổng cộng			17	160	0	190	0	

8.6. Học kỳ VI: 14 TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Tự học (nếu có)	Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT		
	- Bắt buộc:		12	25	0	130 + 270 giờ	0	
1	TC232141	Trò chơi vận động	1	5	0	20	0	
2	TC232142	Cờ vua	2	10	0	40	0	
3	TC232053	Bóng đá	3	10	0	70	0	
4	DT200026	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	6	0	0	270 giờ	0	9 tuần
	- Tự chọn:		2	30	0	0	0	
5	TC243132	Y học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	Chọn 2/6TC
6	TC243142	Đo lường thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
7	TC243172	Thể thao trường học	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			14	55	0	130 + 270 giờ	0	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Triết học Mác – Lênin

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Khái quát về triết học, Triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, có quan hệ mật thiết với Triết học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là môn khoa học cơ bản, làm cơ sở cho việc xác định đường lối, chính sách kinh tế của nhà nước; làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn khoa học kinh tế ngành và quản lý kinh tế.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp hệ thống tri thức lý luận về: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác-Lênin): quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc

đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Góp phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.6. Tiếng Anh 1 (A2.1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ sơ cấp bậc 2 (A2.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.7. Tiếng Anh 2 (A2.2)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ sơ cấp bậc 2 (A2.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.8. Tiếng Anh 3 (A2.3)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ sơ cấp bậc 2 (A2.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Cuối học phần này, sinh viên có thể tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh bậc 2- A2.

9.9. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật; Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Về kết cấu, cách xây dựng

và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; Về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.10. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản: Hoạt động, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Vị trí, mục tiêu và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm; Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trung học cơ sở liên quan đến các lĩnh vực: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên, Hoạt động hướng nghiệp; Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm; Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm. Thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với học sinh trung học cơ sở từ lớp 6 đến lớp 9.

9.11. Tin học đại cương

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm các phần:

- Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

9.12. Xác suất - Thống kê

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về xác suất: Hoán vị, Tổ hợp; Định nghĩa xác suất cổ điển; Dãy phép thử; Đại cương ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng. Thống kê: Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; Hồi quy và tương quan.

9.13. Sinh hoá

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc, vai trò, sự trao đổi các chất đường, đạm, mỡ, các chất khoáng, men, vitamin và hooc môn trong cơ thể; cấu trúc hoá học của cơ, xương, cơ tim; cơ chế hoá học của sự co cơ và quá trình tạo năng lượng trong cơ thể.

9.14. Sinh cơ TDDT

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cần thiết về nguyên lý, kỹ thuật các môn thể thao được xây dựng tuân theo nguyên tắc, định luật cơ học nhất định. Từ đó, giúp cho sinh viên trở thành người giáo viên có chủ động chọn lựa, soạn thảo các động tác, bài tập dạy cho học sinh.

- 9.15. Logic học đại cương** **2TC**
Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin
Học phần Logic học đại cương cung cấp kiến thức cơ bản về các quy luật và các hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm, phán đoán, suy luận, giả thuyết, chứng minh, bác bỏ, ngụ biện, góp phần hình thành phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ, khoa học, phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan.
- 9.16. Môi trường và con người** **2TC**
Điều kiện tiên quyết: Không.
Học phần trang bị các kiến thức về khoa học môi trường: Định nghĩa, đối tượng, nhiệm vụ; các nguyên lý cơ bản của sinh thái học và khoa học môi trường; dân số học và sự phát triển dân số; nhu cầu của con người; khai thác tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường; chương trình bảo vệ môi trường.
- 9.17. Giáo dục Quốc phòng - An ninh** **165 tiết**
Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh.
- 9.18. Lịch sử thể dục thể thao** **2TC**
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử của TDTT, sự hình thành những quan điểm, các trường phái TDTT, sự nảy sinh và phát triển của phong trào TDTT hiện đại trên thế giới cũng như ở Việt Nam.
Sinh viên có thể vận dụng kiến thức được học vào việc giải thích quá trình hình thành và phát triển TDTT nói chung và lĩnh vực hoạt động của bản thân nói riêng. Trên cơ sở đó sinh viên có nhận thức đúng đắn và hình thành ý thức trân trọng, bảo vệ những giá trị TDTT của dân tộc, có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống xã hội loài người.
- 9.19. Giải phẫu học** **2TC**
Điều kiện tiên quyết: Không.
Học phần giúp cho sinh viên có những kiến thức về hình thái và cấu tạo các hệ cơ quan trong cơ thể, sự khác nhau về cấu tạo của các cơ quan ở các lứa tuổi và giới tính, sự ảnh hưởng của tập luyện thể dục thể thao đến các hệ cơ quan, đặc biệt hệ vận động. Là học phần cơ sở để học các nội dung về Sinh lý học, Sinh cơ, Sinh hóa trong vận động và Vệ sinh và y học thể dục thể thao.
- 9.20. Sinh lý học thể dục thể thao** **2TC**
Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu học
Học phần trang bị những kiến thức về sinh lý cơ thể trong hoạt động thể dục thể thao, đặc điểm sinh lý tuổi học sinh THCS và hiểu rõ cơ chế sinh lý học của những môn thể thao phổ cập.
- 9.21. Tâm lý học thể dục thể thao** **2TC**
Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm
Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở tâm lý hình thành kĩ năng vận động, những yêu cầu tâm lý trong giảng dạy động tác, giáo dục ý chí, tình cảm, đặc điểm tâm lý trong tập luyện và thi đấu thể thao.
- 9.22. Vệ sinh học thể dục thể thao** **2TC**
Điều kiện tiên quyết: Sinh lý học thể dục thể thao.
Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về Vệ sinh học trong tập luyện, kiểm tra hình thái, các chức năng và cách hoạt động để tăng cường sức khỏe, thể lực như phòng tránh, khắc phục một số hiện tượng gặp trong hoạt động thể dục thể thao.

9.23. Thực tế bộ môn (1 tuần)

1TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần rèn luyện cho sinh viên vận dụng vào thực tế để đem những kiến thức đã được học tại trường, vận dụng vào việc ghi chép và thu thập tài liệu, lấy tư liệu từ thực tế, rèn luyện khả năng chất lọc, tìm tòi những cái hay, cái đẹp của cuộc sống, phục vụ cho việc học tập. Đặc biệt, đối với sinh viên học giáo dục thể chất thì đi thực tế chuyên môn chính là sự khẳng định bản thân trong quá trình thâm nhập thực tế thông qua nghề nghiệp.

9.2. Y học thể dục thể thao

2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý học TĐTT.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện TĐTT, biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TĐTT. Biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

9.25. Đo lường thể dục thể thao

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên: Những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TĐTT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn... Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

9.26. Thể thao trường học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Lý luận và phương pháp TĐTT.

Thể thao trường học là một môn học chuyên ngành về giảng dạy và tổ chức các hoạt động TĐTT trong trường học. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức, đặc điểm tâm sinh lý học sinh phổ thông về giảng dạy động tác, giáo dục các tố chất thể lực cũng như các phương pháp tổ chức hoạt động TĐTT nói chung trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, hình thành kỹ năng sư phạm TĐTT, xây dựng niềm tin và tình cảm nghề nghiệp của người cán bộ, giáo viên TĐTT.

9.27. Lý luận và phương pháp thể dục thể thao

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nhằm trang bị cho sinh viên có hệ thống các lý luận, phương pháp giáo dục thể chất, lịch sử phát triển thể dục thể thao trên thế giới và Việt Nam, về quản lý trong thể dục thể thao. Từ đó hình thành năng lực, phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên.

9.28. Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Giới thiệu cho sinh viên qui trình tiến hành các đề tài nghiên cứu khoa học, cách chọn những test đặc trưng của thể dục thể thao và cách viết một báo cáo khoa học.

9.29. Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung

2TC

Điều kiện tiên quyết: không.

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, thuật ngữ thể dục, các động tác cơ bản, bài thể dục phát triển chung, bài tập thể dục thể hình, đội hình đội ngũ và phương pháp giảng dạy bài thể dục phát triển chung, đội hình đội ngũ cho học sinh THCS.

9.30. Thể dục nhào lộn**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung.

Học phần giới thiệu và cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, thuật ngữ, các động tác cơ bản và phương pháp tập luyện thể dục nhào lộn, cách tổ chức và giảng dạy cho học sinh THCS.

9.31. Thể dục nhịp điệu và thể dục đồng diễn**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung.

Học phần giới thiệu và cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, thuật ngữ, các động tác cơ bản và phương pháp tập luyện thể dục nhịp điệu, thể dục đồng diễn, cách tổ chức và giảng dạy cho học sinh THCS.

9.32. Chạy cự ly ngắn - Chạy tiếp sức – Chạy cự ly trung bình**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lí, kĩ thuật của môn chạy cự ly ngắn, chạy tiếp sức và chạy cự ly trung bình, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài, phương pháp dạy học và nâng cao sức bền cho học sinh THCS.

9.33. Nhảy xa**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về nguyên lí, kỹ thuật, ý nghĩa, tác dụng của môn nhảy xa. Nắm được phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn nhảy xa. Hiểu và nắm được một số điều luật cơ bản của bộ môn.

9.34. Nhảy cao**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lí, kĩ thuật của môn nhảy cao, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy cho học sinh THCS.

9.35. Ném bóng - Đẩy tạ**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lí, kĩ thuật của môn ném bóng, đẩy tạ, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy cho học sinh THCS.

9.36. Bơi lội**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn bơi lội và phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu và trọng tài... của môn thể thao này; nắm vững nguyên lí kỹ thuật bơi, phương pháp dạy bơi ban đầu, trọng tài bơi lội cấp cơ sở, đồng thời biết sơ lược bơi thực dụng; hoàn thiện kỹ thuật kiểu bơi thể thao trườn sấp và bơi ếch, biết sử dụng môn bơi lội như một phương tiện nhằm phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục cho mọi đối tượng.

9.37. Bóng chuyền**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng chuyền và những nguyên lí thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền.

Hình thành các động tác kỹ thuật cơ bản chơi bóng chuyền. Phát triển năng lực vận động; biết vận dụng kiến thức, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

9.38. Bóng đá**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài.

Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản của bóng đá. Phát triển năng lực vận động; biết vận dụng kiến thức, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

9.39. Cầu lông**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, luật và phương pháp tổ chức thi đấu và giảng dạy môn cầu lông. Bồi dưỡng cho sinh viên phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng trở thành hướng dẫn viên cầu lông ở các cơ sở khi ra trường. Trang bị cho sinh viên những kỹ chiến thuật cơ bản quan trọng của môn cầu lông. Hình thành năng lực sư phạm cho sinh viên để có thể hướng dẫn cho người mới tập.

9.40. Đá cầu**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn đá cầu để có khả năng giảng dạy hướng dẫn, tổ chức thi đấu và trọng tài ở các trường phổ thông, cao đẳng, đại học và cơ sở.

9.41. Trò chơi vận động**1TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Giúp cho sinh viên nắm được những cơ sở lý luận và phương pháp tiến hành của trò chơi nói chung và trò chơi vận động, phương pháp vận dụng trò chơi vận động vào thực tiễn công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Học phần này còn trang bị cho sinh viên phương pháp biên soạn một trò chơi vận động góp phần giáo dục cho sinh viên lòng yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm trong việc khôi phục, duy trì và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

9.42. Cờ vua**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn Cờ vua, về những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật và phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua. Biết suy nghĩ độc lập và sáng tạo giải quyết các nhiệm vụ, tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ, chiến thuật cơ bản vào thực tiễn thi đấu. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học.

9.43. Võ Cổ truyền**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về võ dân tộc cổ truyền; ý nghĩa, lợi ích, tác dụng của môn võ cổ truyền; phương pháp tập luyện, giảng dạy cho học sinh.

9.44. Bóng bàn**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ, chiến thuật cơ bản của môn bóng bàn; phương pháp giảng dạy, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài một giải bóng bàn ở trường THCS.

- 9.45. Bóng ném** **2TC**
Điều kiện tiên quyết: Không.
Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ, chiến thuật cơ bản của môn bóng ném; phương pháp giảng dạy, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài một giải bóng rổ ở trường THCS.
- 9.46. Bóng rổ** **2 TC**
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần giúp sinh viên: Nắm vững những cơ sở lý luận của môn bóng rổ, hình thành một số kỹ thuật động tác cơ bản của bóng rổ, trên cơ sở đó tự tập nâng cao sức khoẻ và năng lực chơi bóng rổ cho bản thân. Biết cách hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia luyện tập, nắm vững luật, biết làm trọng tài và thi đấu bóng rổ ở cơ sở.
- 9.47. Tâm lý học đại cương** **2 TC**
Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin.
Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.
- 9.48. Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm** **2TC**
Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương
Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn tâm tuổi lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Lí luận về sự phát triển tâm lý trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học cơ sở; Tâm lý học dạy học; Tâm lý học giáo dục học sinh trung học cơ sở; Tâm lý học nhân cách người giáo viên trung học cơ sở.
- 9.49. Giáo dục học đại cương** **2TC**
Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học lứa tuổi THCS và Tâm lý học sư phạm
Nội dung học phần bao gồm: Giáo dục học là một khoa học, Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, Giáo dục và sự phát triển nhân cách, Mục đích giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân, Người giáo viên ở trường trung học cơ sở.
- 9.50. Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS** **3TC**
Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương.
Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề cơ bản của lí luận dạy học; Tổ chức dạy học ở trường trung học cơ sở; Những vấn đề cơ bản của lí luận giáo dục; Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục ở trường THCS; Người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường THCS.
- 9.51. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1** **1 TC**
Nội dung thực hành RLNVSPTX 1 bao gồm:
1. Thực hành rèn luyện các kĩ năng về tâm lý giáo dục:
- Chẩn đoán phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch và lựa chọn các phương pháp học tập, nghiên cứu và rèn luyện phù hợp để hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên trung học cơ sở.
- Thực hành các bài tập nghiên cứu tâm lý học sinh trung học cơ sở.
- Tìm hiểu và thực hành các phong cách và kĩ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên trung học cơ sở.
- Vận dụng các kiến thức tâm lý giáo dục để giải quyết các tình huống sư phạm xảy ra trong thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường trung học cơ sở.
2. Học tập những kĩ năng chuyên ngành đào tạo
- Luyện và chữa lỗi phát âm
- Tập viết chữ, trình bày bảng

9.52. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2

1TC

1. Thực hành rèn luyện các kỹ năng về tâm lý giáo dục:

- Tìm hiểu về trường trung học. Tìm hiểu chương trình, kế hoạch dạy học và giáo dục, sách giáo khoa và tài liệu học tập ở trường trung học cơ sở.

- Lập kế hoạch cho công tác dự giờ ở trường trung học cơ sở. Rèn luyện kỹ năng quan sát và ghi chép trong quá trình dự giờ, học tập kinh nghiệm dạy học của người giáo viên trung học cơ sở.

- Xây dựng và quản lý tập thể học sinh trung học cơ sở. Học tập kinh nghiệm về quản lý và giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học cơ sở.

- Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học cơ sở.

- Nghiên cứu các giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.

- Tập luyện một số bài hát, điệu múa và nghi thức đội.

2. Học tập rèn luyện những kỹ năng riêng

- Thiết kế các loại kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể ở THCS

- Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục và các kế hoạch khác.

9.53. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3

1TC

1. Tập duyệt NCKHGD

2. Tập viết một số văn bản hành chính.

3. Rèn luyện kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo.

9.54. Công tác Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh:

- Cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác tổ chức và hoạt động Đội. Trang bị cho sinh viên những vấn đề về lý luận và định hướng chỉ đạo có ý nghĩa rất quan trọng cho công tác Đội và phong trào thiếu nhi trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

- Thực hành thành thạo các kỹ năng của người đội viên và kết hợp các động tác để phối hợp thực hiện các đội hình, đội ngũ, nghi lễ của Đội. Vận dụng nội dung nghi thức đội vào học tập sinh hoạt hàng ngày.

- Những nội dung cơ bản của các hoạt động mang tính nghiệp vụ của Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Tổ chức, chỉ đạo, thực hành và hướng dẫn thực hành các hoạt động mang tính nghiệp vụ Đội.

9.55. Quản lý nhà trường

2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương; Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS.

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm, trình độ cao đẳng hệ thống tri thức về quản lý nhà trường THCS: Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường THCS; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường THCS; Phát triển chương trình nhà trường THCS theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên THCS; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường THCS của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của người học; Quản lý chất lượng giáo dục THCS; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường THCS; Quản lý tài chính trường THCS theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường THCS trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường THCS; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường THCS.

9.56. Thực tập sư phạm tốt nghiệp

6TC

- Thực tập sư phạm tốt nghiệp bao gồm:
- + Tìm hiểu tình hình địa phương, nhà trường thực tập.
- + Thực tập giảng dạy.
- + Thực tập công tác giáo dục.
- + Làm bài tập nghiên cứu khoa học.

10. Danh sách giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình

10.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, PTP. Phòng Đào tạo	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2005	Triết học	Triết học Mác - Lênin
2	Đào Văn Phượng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Nguyễn Thị Trang, 1974, TBM NLCB của CN Mác - Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2009	Chủ nghĩa xã khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng phòng TCCB	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Trần Văn Tàu, 1975, Phó Trưởng khoa Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Hồng Ái Nga, 1970, TBM Tiếng Anh không chuyên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1
7	Nguyễn Thị Xuân Duyên, 1971, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 2
8	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 3
9	Nguyễn Thị Phượng, 1975, Trưởng khoa Lý luận chính trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật đại cương
10	Võ Thị Tem, 1980, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2011	Kinh tế chính trị	Logic học đại cương
11	Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, PTK. Khoa TL - GD	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Văn học	- Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm - Công tác Đội thiếu niên tiền Hồ Chí Minh
12	Huỳnh Minh Giảng, 1969, PTP. Phòng Khảo thí	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Khoa học máy tính	Tin học đại cương
13	Nguyễn Tiến Thành, 1960, PTK. Khoa TH-MN	GVC, 2010	Ths, Việt Nam, 2005	Toán học	Xác suất - Thống kê
14	Nguyễn Thị Kiều Thu, 1965, Trưởng Bộ môn	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 1999	Sinh học	Sinh hóa

15	Đỗ Trọng Đăng, 1984, Viên chức Phòng Đào tạo	GV	TS, Việt Nam, 2018	Động vật học	- Giải phẫu người - Sinh cơ TĐTT
16	Dương Thị Oanh, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2016	Quản lý TN&MT	Môi trường và con người
17	Nguyễn Thế Dân, 1960, Giảng viên	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2004	Tâm lý học và Giáo dục học	- Giáo dục học đại cương - Hoạt động giáo dục và hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở.
18	Phan Thị Lan, 1970, TBM Tâm lý – Giáo dục	GV	Ths, Việt Nam, 2004	Tâm lý học & Giáo dục học	- Tâm lý học đại cương - Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.
19	Châu Thị Hồng Nhựt, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1, 2, 3
20	Lê Bạt Sơn, 1967, Phó Trưởng khoa Khoa TLGD	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Quản lý giáo dục	Quản lý nhà trường
21	Trường Quân sự tỉnh Phú Yên				Giáo dục quốc phòng – an ninh
22	Nguyễn Minh Cường, 1985, PTK phụ trách Khoa GDTC-GDQP	GV	Ths, Việt Nam, 2011	GDTC	- Võ Cổ truyền Việt Nam - Lý luận và phương pháp thể dục thể thao
23	Trần Đắc Ân, 1966, Phó Trưởng khoa Khoa GDTC&GDQP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2003	GDTC	- Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung - Thể dục nhịp điệu và thể dục đồng diễn
24	Nguyễn Văn Hoàng, 1967, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2003	GDTC	- Đá cầu - Trò chơi vận động
25	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	GDTC	- Chạy cự li ngắn - Chạy Tiếp sức – cự li trung bình - Ném bóng – Đẩy tạ
26	Lê Đức Hiếu, 1979, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2011	GDTC	- Cầu lông - Lịch sử thể dục thể thao
27	Nguyễn Huy Vũ, 1985, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	GDTC	- Sinh lý học thể dục thể thao - Y học thể dục thể thao
28	Nguyễn Quốc Trâm, 1983, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Khoa học GDTC	- Tâm lý học thể dục thể thao - Phương pháp NCKH thể dục thể thao
29	Phạm Minh Quang, 1989, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	GDTC	- Đo lường thể dục thể thao - Bóng chuyền

10.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/ môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Thái Ngọc, 1982, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2011	Công nghệ sinh học	- Vệ sinh học thể dục thể thao - Thể thao trường học
2	Hoa Ngọc Thắng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Trung Quốc, 2012	GDTC	- Nhảy xa - Bóng bàn
3	Vũ Việt Bảo, 1976, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2010	GDTC	- Bơi - Nhảy cao
4	Lê Tấn Xin, 1982, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	GDTC	- Bóng rổ - Bóng ném
5	Nguyễn Ngọc Đông, 1977, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2010	GDTC	- Thể dục nhào lộn - Bóng đá
6	Hồ Thanh Hà, 1976, TP Tổ chức TD, TT TĐTT PY	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2009	GDTC	Cờ vua

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng:

- 1 phòng học lý thuyết có trang bị Projector;
- 1 phòng tập thực hành môn thể dục có nệm bảo hiểm và gương soi;
- 1 sân tập môn điền kinh: 2 đường chạy 100 mét, 2 hố nhảy xa, nhảy cao, 2 sân đẩy tạ;
- 1 sân bóng đá, 2 sân bóng chuyên;
- 1 nhà tập đa chức năng: 3 sân cầu lông, 10 bàn bóng bàn.

11.2. Thư viện:

Thư viện có đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (Khoảng 10.000 đầu sách và 1236 m² sử dụng). Trong đó có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo.

Hiện nay nhà trường đã có thư viện điện tử.

11.3. Danh mục giáo trình chính của ngành đào tạo:

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần/môn học
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Triết học Mác - Lênin
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh
7	New Headway – Pre-Intermediate	John and Liz Soars &Mike Sayer	Oxford University Press	2000		1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3
8	Tiếng Anh trong thể thao	Trần Quang Hải, Nguyễn Thị Mỹ Nga, Đoàn Minh Hữu	Thông tin- Truyền thông	2013		Tiếng Anh 3
9	Nhập môn về cơ sinh học TĐTT: Giáo trình dành cho CĐSP	Nguyễn Thanh Mai; Nguyễn Danh Thái; Huỳnh Trọng Khải	Hà Nội	2006		Sinh cơ
10	Giáo trình Xác suất & Thống kê	Nguyễn Đình Hiền	ĐHSP Hà Nội	2003		Xác suất – Thống kê
11	Giáo trình Logic học nhập môn,	Nguyễn Huy Vị	Phương Đông, TP.HCM.	2014		Nhập môn Logic học
12	Môi trường và con người	Mai Đình Yên	Giáo dục	1997		Môi trường và con người
13	Giáo trình Tin học cơ sở	Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc; Hồ Đắc Phương	ĐH Sư phạm	2004		Tin học đại cương
14	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục & Đào tạo	ĐHSP, Hà Nội	2015		Pháp luật đại cương
15	Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học	Nguyễn Thị Chi	Giáo dục	2017		Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

	sinh					
16	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn; Thân Trọng Thủy	ĐHSP	2004		Tâm lý học đại cương
17	Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	Nguyễn Kế Hào; Nguyễn Quang Uẩn	ĐHSP	2004		Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm
18	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	Lê Văn Hồng; Lê Ngọc Lan; Nguyễn Văn Thành	ĐHQG Hà Nội	2007		Giáo dục học đại cương
19	Những vấn đề chung của Giáo dục học	Thái Duy Tuyên	ĐHSP	2003		
20	Lý luận giáo dục	Phạm Viết Vượng	ĐHSP	2005		Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS
21	Lý luận dạy học ở trường THCS	Nguyễn Ngọc Bảo; Trần Kiêm	ĐHSP	2005		Rèn luyện NVSP TX 1,2,3
22	RLNVSP TX	Phạm Trung Thanh; Nguyễn Như Lý	ĐHSP	2004		
23	Giải phẫu sinh lý người	Tạ Thúy Loan (Chủ biên), Trần Thị Loan	ĐHSP Hà Nội	2006		Giải phẫu học
24	Vệ sinh y học TDTT	Nông Thị Hồng; Lê Quý Phương	ĐHSP	2005		Vệ sinh thể dục thể thao
25	Tâm lý học TDTT: Sách dùng cho các trường CĐ Sư phạm	PGS.TS. Lê Văn Xem	ĐHSP	2003		Tâm lý học thể dục thể thao
26	Thể dục: Dùng cho các trường CĐSP	Vũ Thanh Sơn; Nguyễn Danh Hoàng Việt	ĐHSP	2003		1. Đại cương thể dục, TD phát triển chung
27	Thể dục: Giáo trình dành cho sinh viên CĐSP chuyên ngành GDTC	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2003		2. TD nhịp điệu và TD đồng diễn 3. Thể dục nhào lộn
28	Điền kinh: Giáo trình dành cho sinh viên CĐSP chuyên ngành GDTC	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2003		1. Chạy cự li ngắn – chạy tiếp sức – Chạy cự li trung bình 2. Nhảy xa 3. Nhảy cao 4. Ném bóng, đẩy tạ
29	Luật điền kinh		TDTT	2001		
30	Bơi lội: Giáo trình CĐSP	PGS. Nguyễn Văn Trạch; TS. Ngũ Duy Anh	ĐHSP	2004		Bơi lội
31	Lý luận và phương pháp TDTT: Giáo	PGS.TS. Vũ Đức Thu;	ĐHSP	2007		Lý luận, phương pháp giáo dục thể chất

	trình dành cho CĐSP	TS. Trương Anh Tuấn				
32	Võ thuật: Dành cho sinh viên các trường CĐSP	Nguyễn Văn Chung	ĐHSP	2004		Võ thuật (Cổ truyền Việt Nam)
33	Bóng chuyền: Giáo trình CĐSP	Nguyễn Việt Minh; Hồ Đắc Sơn	ĐHSP	2004		Bóng chuyền
34	Luật bóng chuyền bãi biển		TDTT	2000		
35	Bóng đá: Giáo trình CĐ Sư phạm	TS. Nguyễn Quang	ĐHSP	2004		Bóng đá
36	Luật bóng đá		TDTT	2000		
37	Giáo trình sinh lý TDTT	Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên	TDTT	2003		Sinh lý học TDTT
38	Lịch sử TDTT	Nguyễn Xuân Sinh, Nguyễn Thị Xuyên.	TDTT	2000		Lịch sử TDTT
39	Giáo trình Sinh hóa TDTT	Đào Hùng Cường, Nguyễn Nho Dũng, Lê Văn Xanh	TDTT	2013		Sinh hóa TDTT
40	Giáo trình y học TDTT	Lê Tấn Đạt	TDTT	2012		Y học TDTT
41	Giáo trình đá cầu	Nguyễn Hữu Thái	TDTT	2011		Đá cầu
42	Giáo trình trò chơi vận động	Đình Văn Lãm, Đào Bá Tri	TDTT	2007		Trò chơi vận động
43	Giáo trình bóng ném	Nguyễn Hùng Quân	TDTT	2002		Bóng ném
44	Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân	TDTT	2003		Bóng rổ
45	Giáo trình cờ vua	Đàm Quốc Chính	ĐHSP	2007		Cờ vua
46	Giáo trình bóng bàn	PGS.TS Nguyễn Danh Thái	ĐHSP	2010		Bóng bàn
47	Giáo trình cầu lông	Trần Văn Vinh	TDTT	2011		Cầu lông
48	Thể thao trường học	PGS.TS Lê Thiết Can	TDTT Tp.HCM	2015		Thể thao trường học
49	Giáo trình quản lý nhà trường	PGS.TS Lưu Xuân Mới	Giáo dục	2015		Quản lý nhà trường
50	Giáo trình PP NCKH trong TDTT	PGS.TS Nguyễn Tiên Tiên	ĐHTDTT TP.HCM	2016		Phương pháp NCKH
51	Phương pháp tổ chức công tác Đội thiếu niên tiên Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Giáo dục	2010		Công tác Đội thiếu niên tiên Hồ Chí Minh
52	Giáo trình đo lường thể thao	Đỗ Vĩnh, Trịnh Hữu Lộc	TDTT	2010		Đo lường thể dục thể thao

11.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1	Phương pháp giảng dạy và huấn luyện đá cầu	Vụ thể thao quần chúng	TĐTT	2009		Đá cầu
2	Luật đá cầu	Ủy ban TĐTT	TĐTT	2009		Đá cầu
3	Những trò chơi dã ngoại và hội hè	Dorothy Woolfson	Hồng Đức	2008		Trò chơi vận động
4	Luật thi đấu điền kinh	Ủy ban TĐTT	TĐTT	2010		Các HP Điền kinh
5	Chạy cự ly ngắn	Nguyễn Quang Hưng, Nguyễn Đại Dương dịch	TĐTT	2002		Các HP Điền kinh
6	Điền kinh trong trường phổ thông	Nguyễn Quang Hưng	TĐTT	2006		Các HP Điền kinh
7	Hướng dẫn công tác trọng tài điền kinh	Ủy ban TĐTT		2013		Các HP Điền kinh
8	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Bóng đá	Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh	TĐTT	2009		Bóng đá
9	Luật thi đấu bóng đá 5 người (Futsal)	Ủy ban TĐTT	TĐTT	2011		Bóng đá
10	Luật thi đấu bóng đá	Ủy ban TĐTT	Hà Nội	2013		Bóng đá
11	Luật bóng đá 7 người	Ủy ban TĐTT	Hà Nội	2010		Bóng đá
12	Luật thi đấu bóng bàn		Hà Nội	2011		Bóng bàn
13	Hướng dẫn tập Bóng bàn	Trịnh Chí Trung	TĐTT	2010		Bóng bàn
14	Hỏi đáp về kỹ thuật bóng bàn	Văn Thái	TĐTT	2012		Bóng bàn
15	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Bóng chuyền	Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh	TĐTT	2009		Bóng chuyền
16	Luật bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển	Ủy ban TĐTT	Hà Nội	2013		Bóng chuyền
17	Luật bóng chuyền	Ủy ban TĐTT	TĐTT	2007		Bóng chuyền
18	Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền hơi	Văn Thái	TĐTT	2010		Bóng chuyền
19	Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền	Văn Thái - Trọng Đức	TĐTT	2010		Bóng chuyền
20	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Bóng ném	Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh	TĐTT	2009		Bóng ném
21	Luật bóng ném	Ủy ban TĐTT	TĐTT	2006		Bóng ném
22	Kỹ chiến thuật bóng ném	Nguyễn Hùng Quân	TĐTT	1999		Bóng ném

23	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Bóng rổ	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Bóng rổ
24	Hệ thống các bài tập kỹ thuật bóng rổ	Đình Can	TDTT	2006	Bóng rổ
25	Luật bơi		TDTT	2013	Bơi lội
26	Phương pháp dạy bơi ban đầu cho trẻ thơ	Nguyễn Văn Trạch	TDTT	2010	Bơi lội
27	Phương pháp và tổ chức thi đấu & trọng tài cầu lông	Trần Văn Vinh	TDTT	2005	Cầu lông
28	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Cầu lông	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Cầu lông
29	Hướng dẫn tập luyện và tổ chức thi đấu Cầu lông	Mai Luân	TDTT	2009	Cầu lông
30	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Cờ vua	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Cờ vua
31	Luật thi đấu cờ vua	Ủy ban TDTT	Hà Nội	2011	Cờ vua
32	Cờ vua khoa học-kinh nghiệm-trình độ	Điôtnhic	TDTT	2010	Cờ vua
33	Cờ vua những bài tập cờ thế đặc sắc	Mai Luân	TDTT	2010	Cờ vua
34	Luật thi đấu các môn bóng những điều luật cơ bản	Trịnh Quốc Dương	TDTT	2008	Các môn bóng
35	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Thể dục	Trường TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Các HP Thể dục
36	Đồng diễn thể dục	Trần Phúc Phong	TDTT	2008	Các HP Thể dục
37	Tìm hiểu võ thuật Việt Nam	Hồ Tường	Trẻ	2010	Võ thuật
38	Sinh hoá học TDTT	V.V.Mensicôp	TDTT	2010	Sinh hoá TDTT
39	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn y học TDTT	Trường TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Y học TDTT
40	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn sinh lý học TDTT	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Sinh lý học TDTT
41	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn sinh hóa, sinh cơ, vệ sinh TDTT	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Sinh hóa Sinh cơ Vệ sinh TDTT
42	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn giải phẫu học TDTT	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Giải phẫu người
43	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	Matvêép L.P	TDTT	1976	Thể thao trường học
44	Học thuyết huấn luyện	Matxcova	TDTT Hà Nội	1999	Thể thao trường học

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

Với khối lượng kiến thức toàn khóa được thiết kế gồm 107 tín chỉ (chưa tính Giáo dục Quốc phòng – An ninh); đào tạo trong 3 năm, phân bố trong 6 học kỳ.

a) Giảng viên:

Thực hiện quy trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, giảng viên phải đảm bảo thời gian lên lớp chỉ 1/3 khối lượng kiến thức học phần (15 giờ lên lớp, 30 giờ tự học cho 1 tín chỉ).

Khối lượng kiến thức của 1 tín chỉ bằng 15 giờ lý thuyết; hoặc bằng 30-45 giờ thực hành/thí nghiệm/thảo luận; hoặc bằng 45-60 giờ thực hiện tiểu luận/bài tập lớn/khóa luận tốt nghiệp; hoặc 45-90 giờ thực tập cơ sở.

Đối với các học phần lý thuyết 1 tín chỉ = 15 tiết, giảng viên trực tiếp giảng dạy trên lớp 100%; Đối với các học phần vừa lý thuyết, vừa thực hành: 1 giờ lý thuyết = 2 giờ thực hành.

Phần lớn các giờ lên lớp, giảng viên hướng dẫn cho sinh viên cách tự học, học hiệu quả nhất. Thiết kế đề cương chi tiết phải đủ các điều kiện kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần (số lần kiểm tra bằng số tín chỉ), thi giữa kì và thi kết thúc học phần.

Trong giờ thực hành, phần giảng về nguyên lý, kỹ thuật, phương pháp không giảng giải dài dòng, mà cần đổi mới phương pháp dạy hoặc bằng cách đưa ra những thông tin chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu để sinh viên dễ nhớ, nhớ lâu, tranh thủ được thời gian cho sinh viên tập luyện.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học sao cho giờ học sinh động, hấp dẫn, hiệu quả cao. Tổ chức giờ học theo phân nhóm không và có quay vòng, phối hợp hợp lý giữa tập lần lượt với tập đồng loạt để giảm thời gian sinh viên chờ đợi. Tăng cường áp dụng phương pháp trò chơi và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên tự quản và tham gia đánh giá.

b) Sinh viên:

Sinh viên phát huy cách tự học theo định hướng của giảng viên; tổ chức luyện tập cá nhân hoặc theo nhóm đối với các học phần chuyên ngành TĐTT để hình thành kỹ năng.

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm bằng hình thức tổ chức giờ học theo nhóm quay vòng, tự đánh giá, nhóm đánh giá rút kinh nghiệm.

12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

Bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu tạo điều kiện cho sinh viên tự nâng cao trình độ. Nội dung các học phần bám sát chương trình Giáo dục Thể chất ở THCS để đáp ứng nhu cầu đào tạo, chuẩn bị cho sinh viên có khả năng giảng dạy tốt chương trình Giáo dục Thể chất ở THCS.

Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng có tính chất định hướng (dự kiến), thứ tự đó có thể thay đổi được nếu không vi phạm các yêu cầu đã đề xuất và điều kiện tiên quyết trong chương trình chi tiết. Trên cơ sở khung thời gian, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ do nhà trường quy định, sinh viên sẽ đăng ký học các học phần bắt buộc và tự chọn riêng cho mình, xây dựng cho mình một kế hoạch học tập theo sự tư vấn của cố vấn học tập.

Chương trình được thiết kế theo hướng đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học. Nhằm đào tạo những giáo viên đạt chuẩn, có khả năng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, biết phát hiện và giải quyết vấn đề để không ngừng tự phát triển trong sự phát triển chung của cộng đồng, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

12.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, trình độ cao đẳng được soạn thảo theo Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của trường Đại học Phú Yên.

Trường Đại học Phú Yên trang bị Projector đầy đủ cho các phòng học lý thuyết; các phòng tập thực hành môn TDDT đảm bảo, phù hợp cho tổ chức giảng dạy, luyện tập; thư viện điện tử có đầy đủ tài liệu để phục vụ việc giảng dạy và học tập cho ngành đào tạo. dy



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Đình

TS. Nguyễn Đình